

Số: 14/2022/QĐST-HNGĐ

Mai Sơn, ngày 23 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 33/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 ngày 11 ngày 2022 về xin ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N, sinh năm 2000. Địa chỉ: Bản K, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Anh Hoàng Văn D, sinh năm 1990. Địa chỉ: Bản K, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 11 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị N và anh Hoàng Văn D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về tình cảm: Chị Hoàng Thị N và anh Hoàng Văn D thống nhất thuận tình ly hôn.

b. Về con chung: Chị N và anh D có 02 con chung. Anh chị thoả thuận: Anh Hoàng Văn D là người trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hoàng Hải Đ, sinh ngày 31/12/2016 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Chị

Hoàng Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hoàng Thị Quỳnh T, sinh ngày 31/05/2020 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Sau khi ly hôn, chị N và anh D được quyền thăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật; không ai được quyền ngăn cản anh chị thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

c. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Chị N và anh D thống nhất xác nhận không có tài sản và nợ chung, do đó Tòa án không giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì được khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

d. Về án phí: Chị Hoàng Thị N nhận chịu án phí xin ly hôn là 150.000VNĐ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: **AA/2021/0002290** ngày 01 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, được nhận lại 150.000VNĐ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ný sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã Chiềng Ban, huyện Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nông Văn Thịnh